

Số: /2024/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 1
21/8/2024

THÔNG TƯ

Quy định về hoạt động trạm thu phí đường bộ

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 16 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số xx/2024/NĐ-CP ngày xx tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán điện tử giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số xx/2024/NĐ-CP ngày xx tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định về thu phí sử dụng đường bộ cao tốc;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng và Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về hoạt động trạm thu phí đường bộ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động trạm thu phí đường bộ trên mạng lưới đường bộ ở Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trạm thu phí đường bộ trên mạng lưới đường bộ ở Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hạ tầng trạm thu phí đường bộ bao gồm: nhà điều hành; giá long môn và cổng trạm thu phí (nếu có); mặt đường và hệ thống điện chiếu sáng trong phạm vi

trạm thu phí; đảo phân làn (nếu có); cabin thu phí (nếu có); các trang bị an toàn và hệ thống an toàn giao thông tại trạm thu phí.

2. Hệ thống phần mềm, thiết bị lắp đặt tại trạm thu phí đường bộ, trực tiếp tương tác với phương tiện giao thông đi qua trạm (sau đây được gọi là hệ thống Front-End) bao gồm các thiết bị điện tử như đầu đọc thẻ, ăng ten, ca-me-ra nhận dạng biển số, thiết bị nhận diện xe vào trạm, ba-ri-e tốc độ cao và các hệ thống phần cứng, phần mềm, thiết bị tự động hóa khác. Hệ thống Front-End kết nối với hệ thống Back-End để gửi thông tin giao dịch và thu nhận thông tin của phương tiện, thẻ đầu cuối.

3. Hệ thống điều hành và trung tâm dữ liệu của Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ (sau đây được gọi là hệ thống Back-End) là hệ thống được quy định tại khoản 13 **Nghị định số xx/2024/NĐ-CP ngày xx tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán điện tử giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số xx/2024/NĐ-CP).**

Chương II

ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG TRẠM THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Tiêu chí thành lập trạm thu phí đường bộ

1. Phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư hoặc trong Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Thực hiện hình thức thu phí điện tử không dừng và sử dụng công nghệ thu phí đường bộ tiên tiến, hiện đại; trường hợp áp dụng hình thức khác phải được cấp có thẩm quyền cho phép.

3. Trường hợp trạm thu phí hoàn vốn cho dự án đối tác công tư phải đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án.

4. Công khai vị trí trạm thu phí trên phương tiện thông tin đại chúng Trung ương và địa phương; tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã nơi đặt trạm thu phí kể từ khi cấp có thẩm quyền phê duyệt **theo quy định tại khoản 1 Điều này.**

Điều 5. Thiết kế, đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp trạm thu phí đường bộ

1. Trạm thu phí đường bộ phải được thiết kế, đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về trạm thu phí đường bộ và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt hạng mục dự án có trạm thu phí đường bộ; lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế và dự toán bước sau Thiết kế cơ sở được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới:

a) Trường hợp dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, hạ tầng trạm thu phí, hệ thống Front-End là hạng mục của dự án đầu tư xây dựng, được thực hiện, hoàn thành trước khi Dự án đưa vào vận hành khai thác

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng theo hình thức khác điểm a khoản này, trường hợp được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương thu tiền sử dụng đường bộ, hạ tầng trạm thu phí đường bộ thực hiện trong dự án, hoàn thành trước khi đưa vào vận hành khai thác. Đơn vị quản lý thu đề xuất hình thức đầu tư (tự đầu tư hoặc lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ và giao Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ đầu tư hệ thống Front-End).

2. Đối với dự án đã đưa vào vận hành khai thác:

a) Đơn vị quản lý thu đầu tư xây dựng hạ tầng trạm thu phí bằng nguồn kinh phí phù hợp hình thức đầu tư của dự án theo quy định.

b) Đơn vị quản lý thu đề xuất hình thức đầu tư (tự đầu tư hoặc lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ và giao Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ đầu tư hệ thống Front-End) và nguồn kinh phí đầu tư hệ thống Front-End trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Chương II

HOẠT ĐỘNG TRẠM THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ

Điều 6. Quản lý, vận hành, bảo trì trạm thu phí đường bộ

1. Đơn vị vận hành thu thực hiện công tác quản lý, vận hành, bảo trì hạ tầng trạm thu phí và hệ thống Front-End theo nhiệm vụ được giao hoặc hợp đồng dịch vụ thu với đơn vị quản lý thu.

2. Chi phí quản lý, vận hành, bảo trì được lấy từ chi phí vận hành thu và chi phí bảo trì, vận hành dự án trong giai đoạn vận hành, khai thác hoặc chi phí dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng. Trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ thực hiện nhiệm vụ đơn vị vận hành thu theo hợp đồng với cơ quan có thẩm quyền thì chi phí quản lý, vận hành, bảo trì được tính trong phương án tài chính của hợp đồng ký với cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Thời gian làm việc, trang phục phù hiệu

1. Trạm thu phí đường bộ hoạt động 24/24 giờ vào tất cả các ngày trong năm, kể cả ngày nghỉ và ngày lễ (trừ những trường hợp dừng thu, tạm dừng thu khi có văn bản của cấp có thẩm quyền).

2. Khi trạm thu phí đường bộ phải ngừng hoạt động do nguyên nhân bất khả kháng, đơn vị vận hành thu phải có biện pháp bảo đảm không xảy ra ùn tắc giao thông tại khu vực trạm thu phí đường bộ; đồng thời, phải báo cáo ngay cho đơn vị quản lý thu và cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp khắc phục, đưa trạm thu phí đường bộ vào hoạt động trong thời gian sớm nhất.

3. Người lao động làm việc tại trạm thu phí đường bộ phải mặc đồng phục trong khi thực hiện nhiệm vụ. Mẫu đồng phục của người lao động tại trạm thu phí đường bộ do đơn vị vận hành thu quyết định nhưng phải đảm bảo có phù hiệu, biểu trưng của đơn vị vận hành thu, biển tên, chức danh được bố trí ở vị trí dễ nhận biết.

Điều 8. Dữ liệu thu

1. Dữ liệu thu tiền sử dụng đường bộ bao gồm dữ liệu thông tin tài khoản giao thông và dữ liệu về giao dịch thanh toán tiền sử dụng đường bộ.

2. Dữ liệu thông tin tài khoản giao thông bao gồm các thông tin tài khoản giao thông theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo **Nghị định số xx/2024/NĐ-CP**.

3. Dữ liệu về giao dịch thanh toán tiền sử dụng đường bộ bao gồm:

a) Tập tin dữ liệu thông tin đơn vị tham gia giao dịch thanh toán tiền sử dụng đường bộ theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo **Nghị định số xx/2024/NĐ-CP**.

b) Các tập tin dữ liệu thông tin thanh toán tiền sử dụng đường bộ theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo **Nghị định số xx/2024/NĐ-CP**.

c) Các tập tin dữ liệu về lưu lượng, doanh thu thu phí, vé lượt, vé tháng, vé quý.

d) Các tập tin video giám sát làn, giám sát toàn cảnh.

đ) Các tập tin hình ảnh chụp phương tiện lưu thông qua trạm thu phí đường bộ bao gồm: hình ảnh chụp biển số đảm bảo đọc rõ biển số; hình ảnh chụp toàn cảnh phương tiện lưu thông phải đảm bảo nhận được loại phương tiện.

4. Dữ liệu thu phải tuân thủ theo quy định trong mục 5.3.5 TCVN 10849:2015 Hệ thống thu phí điện tử và các quy định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Chế độ lưu dữ liệu thu:

a) Lưu trữ tối thiểu 1 năm: Các tập tin video giám sát toàn cảnh.

b) Lưu trữ tối thiểu 5 năm: Các tập tin video giám sát làn; các tập tin hình ảnh chụp phương tiện lưu thông qua trạm thu phí.

c) Lưu trữ từ thời điểm đưa trạm thu phí vào hoạt động đến thời điểm sau 10 năm kể từ khi thanh lý hợp đồng PPP hoặc kể từ thời điểm dừng hoạt động trạm thu phí đường bộ; các tập tin dữ liệu thông tin giao dịch khi phương tiện qua trạm thu phí đường bộ; các tập tin dữ liệu về lưu lượng, doanh thu thu phí, vé lượt, vé tháng, vé quý.

d) Các tập tin dữ liệu thông tin tài khoản giao thông được lưu trữ từ thời điểm mở tài khoản giao thông đến thời điểm sau 10 năm kể từ khi tài khoản giao thông được đóng.

Điều 9. Kết nối dữ liệu thu

1. Dữ liệu thu được kết nối theo quy định của các tiêu chuẩn thu phí hiện hành và yêu cầu kết nối Back-End giữa các Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ.

2. Đối với dự án thực hiện thu theo phương thức kín, Đơn vị vận hành thu phải kết nối, đồng bộ dữ liệu về lịch sử giao dịch thu lên hệ thống Back-End của Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ ngay khi phương tiện đi qua trạm thu phí đầu vào.

3. Các Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ phải đảm bảo cơ chế kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu trên nguyên tắc sẵn sàng, khả thi, thuận tiện, tránh trùng lặp, lãng phí khi thực hiện quản lý, vận hành thu phí và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Chi phí kết nối dữ liệu thu phí giữa các Back-End do các Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ thỏa thuận với nhau, phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Các Dữ liệu về giao dịch thanh toán tiền sử dụng đường bộ phải được kết nối về hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu thanh toán điện tử giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định số xx/2024/NĐ-CP.

5. Kết nối dữ liệu thu phí phải đảm bảo tốc độ truyền dẫn, tính dự phòng; đáp ứng yêu cầu an ninh và bảo mật thông tin/dữ liệu theo các quy định được nêu trong mục 5.3.7 TCVN 10849:2015 Hệ thống thu phí điện tử và các quy định hiện hành về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin.

Điều 10. Quản lý, khai thác dữ liệu thu

1. Cục Đường bộ Việt Nam quản lý, khai thác dữ liệu thu của các trạm thu phí đường bộ trên hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu thanh toán điện tử giao thông đường bộ; khai thác dữ liệu thu phí điện tử không dừng thông qua tài khoản đăng nhập và mật khẩu được cung cấp để truy cập vào cổng thông tin dành cho cơ quan quản lý nhà nước của hệ thống Back-end của Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ. Việc quản lý khai thác dữ liệu phải thực hiện theo quy định về bảo mật thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Sở Giao thông vận tải quản lý, khai thác dữ liệu thu của các trạm thu phí đường bộ trên hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu thanh toán điện tử giao thông đường bộ; khai thác dữ liệu thu phí điện tử không dừng của các trạm thu phí đường bộ do địa phương quản lý thông qua tài khoản đăng nhập và mật khẩu được cung cấp để truy cập vào cổng thông tin dành cho cơ quan quản lý nhà nước của hệ thống Back-End của Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ.

3. Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ quản lý dữ liệu thu phí điện tử không dừng trên hệ thống Back-End theo quy định của hợp đồng dịch vụ thu phí.

4. Đơn vị quản lý thu và đơn vị vận hành thu quản lý dữ liệu thu phí theo hình thức một dừng tại trạm thu phí thuộc phạm vi quản lý.

5. Đơn vị quản lý thu và đơn vị vận hành thu được khai thác dữ liệu thu phí điện tử không dừng của các trạm thu phí thuộc phạm vi quản lý thông qua tài khoản đăng nhập được cung cấp để truy cập vào cổng thông tin của hệ thống Back-End của Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ.

6. Chủ phương tiện được khai thác Dữ liệu về giao dịch thanh toán tiền sử dụng đường bộ thông qua tài khoản giao thông và ứng dụng thanh toán điện tử giao thông đường bộ cho chủ phương tiện trên hệ thống Back-End của Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ.

Điều 11. Quản lý, giám sát hoạt động trạm thu phí đường bộ

1. Đơn vị quản lý thu, đơn vị vận hành thu và Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ phải có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của trạm thu phí đường bộ để bảo đảm hoạt động thu đúng quy định. Cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan chức năng về các vấn đề liên quan đến công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, điều tra, xử lý các vấn đề liên quan an ninh, an toàn giao thông trong quá trình khai thác.

2. Cơ quan có thẩm quyền quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động trạm thu phí đường bộ, xử lý vi phạm hoạt động của trạm thu phí theo quy định của pháp luật và theo quy định của hợp đồng.

Chương III

QUẢN LÝ TIỀN THU

Điều 12. Mở và sử dụng tài khoản thu tiền sử dụng đường bộ

1. Mở và sử dụng tài khoản thu tiền sử dụng đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều **33 Nghị định số xx/2024/NĐ-CP**, cụ thể như sau:

a) Tài khoản thu phí sử dụng đường cao tốc trung ương là tài khoản do nhà cung cấp dịch vụ mở để thu phí sử dụng đường cao tốc do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

b) Tài khoản thu phí sử dụng đường cao tốc địa phương là tài khoản do nhà cung cấp dịch vụ mở để thu phí sử dụng đường cao tốc do Ủy ban nhân tỉnh quản lý.

c) Tài khoản thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ là tài khoản do nhà cung cấp dịch vụ mở để thu tiền sử dụng dịch vụ đường bộ đối với các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh.

2. Toàn bộ số tiền trong tài khoản thu tiền sử dụng đường bộ phải được quản lý độc lập và tách biệt với các khoản tiền khác của Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ và chỉ được sử dụng cho các mục đích quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Tài khoản thu tiền sử dụng đường bộ được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi sau đây:

a) Chuyển trả cho các Đơn vị quản lý thu.

b) Chi trả dịch vụ thanh toán điện tử giao thông đường bộ cho Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ.

c) Thanh toán các khoản phải hoàn trả cho chủ phương tiện;

Điều 13. Trách nhiệm của Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ và đơn vị quản lý thu phí

1. Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ có trách nhiệm:

a) Thực hiện quy định tại Điều 32 và Điều 33 của Nghị định số xx/2024/NĐ-CP;

b) Thực hiện quy định về mở và sử dụng tài khoản thu tiền sử dụng đường bộ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

c) Phát hành chứng từ thu tiền sử dụng đường bộ đúng đối tượng, đúng giá trị cho từng đối tượng phải trả tại trạm thu phí; không được thu, gây cản trở đối với các trường hợp không thuộc đối tượng trả tiền sử dụng đường bộ theo quy định của pháp luật tại trạm thu phí, không được thay đổi mức thu tiền sử dụng đường bộ khi chưa có chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước;

d) Thực hiện kiểm toán doanh thu và tiền sử dụng đường bộ hàng năm theo quy định của pháp luật và hợp đồng dịch vụ thu;

đ) Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động thu tiền sử dụng đường bộ để đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết;

e) Hoàn trả tiền sử dụng đường bộ thu được cho Đơn vị quản lý thu sau khi trừ đi giá dịch vụ của trạm thu phí theo hợp đồng dịch vụ thu;

g) Phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho các khoản giá dịch vụ của trạm thu phí đã thanh toán trong tháng và chuyển hóa đơn giá trị gia tăng cho Đơn vị quản lý thu liên quan;

2. Đơn vị quản lý thu là cơ quan có thẩm quyền quản lý thu phí sử dụng đường cao tốc:

a) Quản lý thu, nộp phí sử dụng đường bộ cao tốc theo quy định;

b) Kiểm tra hoạt động, số thu từ cung cấp dịch vụ thu phí sử dụng đường bộ cao tốc của đơn vị vận hành thu, nhà cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử để đảm bảo thu đúng, thu đủ, nộp đúng hạn khoản thu phí sử dụng đường bộ cao tốc vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của đơn vị quản lý thu.

3. Đơn vị quản lý thu khác:

a) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền việc sử dụng tài khoản thu tiền sử dụng đường bộ của Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ, bao gồm: biện pháp quản lý sử dụng tài khoản thu tiền sử dụng đường bộ của Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ có cam kết/thỏa thuận với ngân hàng về việc quản lý sử dụng tài khoản thu tiền sử dụng đường bộ của Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ;

b) Kê khai và nộp thuế theo quy định của pháp luật;

c) Lập báo cáo doanh thu thu tiền sử dụng đường bộ và tình hình thu tiền sử dụng đường bộ định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, hàng năm và báo cáo Cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

d) Kiểm tra, đối chiếu, tiếp nhận khoản doanh thu tiền sử dụng đường bộ được Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ chuyển trả. Sử dụng khoản kinh phí này để hoàn vốn cho hợp đồng PPP.

Điều 14. Đối soát số thu và chuyển tiền vào tài khoản thu tiền sử dụng đường bộ; chứng từ, hóa đơn điện tử cho hoạt động thu

1. Đối soát số thu phí sử dụng đường bộ cao tốc giữa đơn vị quản lý thu là cơ quan có thẩm quyền quản lý thu phí sử dụng đường cao tốc và Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ:

Đơn vị quản lý thu hoặc đơn vị được ủy quyền thực hiện chức năng nhiệm vụ của đơn vị quản lý thu (các Khu Quản lý đường bộ) thực hiện đối soát tương tự như quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Đối soát số thu tiền sử dụng dịch vụ đường bộ các dự án đầu tư để kinh doanh giữa Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ và Đơn vị quản lý thu được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ thực hiện đối soát số liệu thu tiền sử dụng đường bộ hàng ngày ngay sau thời điểm chốt số liệu (24 giờ tính từ thời điểm chốt số liệu trở về trước) với Đơn vị quản lý thu làm căn cứ xác nhận số thu tiền sử dụng đường bộ đã thu được trong ngày, thời điểm chốt số liệu được thống nhất trong hợp đồng cung cấp dịch vụ thu;

b) Trước ngày mùng 5 hàng tháng, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ và Đơn vị quản lý thu thực hiện đối soát và chốt công nợ cho tháng liền trước đó;

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ và Đơn vị quản lý thu thực hiện chốt công nợ và quyết toán cho năm liền trước đó.

3. Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ có trách nhiệm xây dựng quy trình đối soát, chuyển tiền phù hợp với quy định của Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

4. Đơn vị quản lý thu có trách nhiệm phối hợp với Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ để thực hiện quy trình đối soát và khắc phục, điều chỉnh các lỗi, sai số phát hiện được thông qua quá trình đối soát.

5. Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ có trách nhiệm công khai số thu hàng ngày, số tiền các phương tiện còn nợ tại từng trạm thu phí (nếu có).

6. Hàng ngày, Đơn vị vận hành thu, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ có trách nhiệm kiểm tra, cập nhật số liệu chính xác trên Hệ thống quản lý, giám sát thu các nội dung sau: Số tiền thu được, số tiền sử dụng đường bộ các phương tiện còn nợ tại từng trạm thu phí, số tiền chuyển cho các dự án PPP (chi tiết từng dự án), số tiền còn giữ lại; doanh thu, lưu lượng và giải trình chênh lệch doanh thu, lưu lượng.

Điều 15. Chuyển tiền thu phí đường bộ và thanh toán chi phí cung cấp dịch vụ

1. Trên cơ sở số liệu đã thống nhất sau khi thực hiện đối soát doanh thu hàng ngày với Đơn vị quản lý thu, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ chuyển toàn bộ số tiền thu sử dụng đường bộ (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng) tại mỗi trạm thu tiền sử dụng đường bộ cho Đơn vị quản lý thu sau khi trừ đi chi phí dịch vụ thu tiền sử dụng đường bộ theo hợp đồng dịch vụ thu. Thời gian chuyển trả theo quy định tại khoản 1 Điều **17 Nghị định số xx/2024/NĐ-CP**.

2. Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ có trách nhiệm xây dựng quy trình thực hiện giao dịch thu tiền sử dụng đường bộ điện tử không dừng; kê khai và nộp các loại thuế trên phần thu dịch vụ sử dụng đường bộ giữ lại.

3. Đơn vị quản lý thu có trách nhiệm kê khai và nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 16. Chi phí vận hành, chi phí dịch vụ thu tiền sử dụng đường bộ điện tử không dừng, chi phí giám sát hoạt động thu phí

1. Chi phí vận hành thu tiền sử dụng đường bộ là các chi phí cần thiết để hoàn thành các công việc thu tiền sử dụng đường bộ đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ. Chi phí vận hành thu tiền sử dụng đường bộ được xác định theo quy định của cơ quan nhà nước ban hành hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ thu tiền sử dụng đường bộ điện tử không dừng đã ký kết.

2. Chi phí dịch vụ thu tiền sử dụng đường bộ điện tử không dừng là khoản tiền mà Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ được hưởng để hoàn vốn cho đầu tư, xây dựng, cải tạo, quản lý, vận hành, bảo trì dự án thu tiền sử dụng đường bộ điện tử không dừng. Chi phí dịch vụ thu tiền sử dụng đường bộ điện tử không dừng của mỗi trạm thu phí được xác định cụ thể tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu tiền sử dụng đường bộ điện tử không dừng và được trích trực tiếp từ doanh thu thu tiền sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ có thu tiền sử dụng đường bộ.

Chi phí dịch vụ thu tiền sử dụng đường bộ điện tử không dừng sẽ được điều chỉnh tùy theo quy định tại các điều khoản Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu tiền sử dụng đường bộ điện tử không dừng hoặc quy định của pháp luật có liên quan.

3. Chi phí giám sát hoạt động thu tiền sử dụng đường bộ

Đơn vị quản lý thu có trách nhiệm bố trí cán bộ thực hiện công tác kiểm tra giám sát thu, đối soát số liệu thu tiền sử dụng đường bộ với Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ hoặc với Doanh nghiệp dự án PPP trong trường hợp thu liên thông. Chi phí cho công tác kiểm tra giám sát thu, đối soát của Đơn vị quản lý thu được lấy từ chi phí vận hành thu.

4. Chi phí kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu thanh toán điện tử giao thông đường bộ và chi phí quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu thanh toán điện tử giao thông đường bộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xác định và được lấy từ chi phí vận hành thu.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM TRONG HOẠT ĐỘNG THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ

Điều 17. Trách nhiệm của chủ phương tiện giao thông đường bộ

1. Thực hiện trách nhiệm của chủ phương tiện giao thông đường bộ được quy định tại Điều **31 Nghị định số xx/2024/NĐ-CP**.

2. Trả tiền sử dụng đường bộ theo quy định, chấp hành các quy định của cơ quan có thẩm quyền và Đơn vị quản lý thu khi tham gia giao thông đường bộ trên các tuyến đường có thu phí.

3. Chỉ được sử dụng duy nhất 01 thẻ đầu cuối cho 01 phương tiện tham gia giao thông đường bộ. Trường hợp thẻ đầu cuối bị hư hỏng, sự cố làm ảnh hưởng đến thiết bị của Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ hoặc tài khoản giao thông của chủ phương tiện; hoặc muốn đổi Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ chủ phương tiện liên hệ với Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ để xử lý.

Điều 18. Trách nhiệm của đơn vị quản lý thu

1. Thực hiện trách nhiệm của Đơn vị quản lý thu được quy định tại Điều **35 Nghị định số xx/2024/NĐ-CP và các quy định tại Điều này**.

2. Thông báo công khai liên tục trước 05 ngày và niêm yết công khai tại trạm thu phí khi bắt đầu tổ chức thu về thời điểm bắt đầu được thu phí đường bộ, địa điểm trạm thu phí, công nghệ thu, hình thức thu, đối tượng thu, mức thu và đối tượng được miễn, giảm tiền dịch vụ sử dụng đường bộ. Trong trường hợp có thay đổi về mức thu, công nghệ thu, hình thức thu, đối tượng thu, đơn vị thu phải thông báo công khai và niêm yết tương tự như khi bắt đầu tổ chức thu trước 30 ngày (hoặc theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền). Hình thức thông báo công khai bao gồm đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương và Trung ương; đồng thời, gửi thông báo đến Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam.

Đối với dự án được đầu tư theo phương thức đối tác công tư, trong suốt quá trình thu, đơn vị quản lý thu phí (hoặc ủy quyền cho đơn vị vận hành thu phí) phải công khai các thông tin trên biển báo điện tử (biển VMS) được gắn tại khu vực nhà điều hành trạm thu phí, bao gồm: tên dự án, giá trị công trình dự án (trong trường hợp dự án chưa được quyết toán thì công bố theo tổng mức đầu tư), tổng thời gian được thu phí đường bộ, thời điểm bắt đầu thu, thời gian thu còn lại, doanh thu tháng trước của trạm thu phí (số liệu doanh thu cập nhật chậm nhất vào ngày 10 của tháng tiếp theo), số điện thoại để tiếp nhận thông tin phản ánh.

3. Báo cáo thống kê, kế toán, hạch toán, quyết toán doanh thu, kê khai và nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật.

4. Quản lý tài sản được giao quản lý, tài sản nhận bàn giao từ nhà nước, tài sản trạm thu phí hình thành trong quá trình đầu tư theo đúng quy định hiện hành và hợp đồng đã ký với cơ quan có thẩm quyền.

5. Nộp tiền sử dụng tài sản nhà nước hoặc tiền thuê quyền khai thác tài sản hạ tầng đường bộ (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công.

6. Bàn giao lại tài sản trạm thu phí cho cơ quan có thẩm quyền hoặc đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định khi kết thúc hợp đồng. Tài sản bàn giao phải trong trạng thái hoạt động bình thường theo quy định của hợp đồng.

7. Chấp hành quyết định tạm dừng thu, dừng thu, trừ thời gian thu của cơ quan có thẩm quyền hoặc của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu phí đường bộ.

8. Cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan chức năng về các vấn đề liên quan đến công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, điều tra, xử lý các vấn đề liên quan an ninh, an toàn giao thông trong quá trình khai thác.

Điều 19. Trách nhiệm của đơn vị vận hành thu

1. Thực hiện trách nhiệm của đơn vị vận hành thu được quy định tại Điều 34 Nghị định số xx/2024/NĐ-CP và các quy định tại Điều này.

2. Quản lý lao động, giải quyết chế độ cho người lao động làm việc tại trạm thu phí theo quy định của pháp luật.

3. Sao lưu dữ liệu thu phí đường bộ theo quy định tại khoản 5 Điều 8 để phục vụ công tác giám sát, hậu kiểm.

4. Chấp hành việc cơ quan có thẩm quyền lắp đặt thiết bị, phần mềm Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu thanh toán điện tử giao thông đường bộ và chịu trách nhiệm phối hợp và đảm bảo kết nối trực tuyến, ổn định và liên tục với Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu thanh toán điện tử giao thông đường bộ.

5. Đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực trạm thu phí; đảm bảo tuân thủ phương án tổ chức giao thông trên tuyến đường đặt trạm thu phí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chấp hành quyết định tạm dừng thu, dừng thu của cơ quan có thẩm quyền hoặc của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu phí đường bộ.

7. Không để xảy ra các hành vi sau:

a) Gian lận tiền sử dụng đường bộ hoặc thông đồng gian lận trong hoạt động thu tiền sử dụng đường bộ;

b) Can thiệp vào hệ thống công nghệ thu, hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu thanh toán điện tử giao thông đường bộ, hệ thống thiết bị kiểm tra tải trọng phương

tiện và tiêu cực trong lĩnh vực giám sát tải trọng phương tiện; báo cáo sai doanh thu nhằm gian lận doanh thu sử dụng đường bộ;

c) Tổ chức bán vé, soát vé không kịp thời, sách nhiễu đối với người mua vé; không bán đầy đủ hoặc hạn chế, giới hạn thời gian bán các loại vé tháng, vé quý theo quy định; gây cản trở, ùn tắc giao thông đường bộ tại khu vực trạm thu phí; thu tiền sử dụng đường bộ không đúng quy định;

d) Nhận tiền mặt của người sử dụng phương tiện giao thông đường bộ mà không giao vé hoặc giao vé không đúng chủng loại phương tiện lưu thông qua trạm thu phí; để phương tiện giao thông đường bộ (đối tượng phải mua vé) không có vé đi qua trạm thu phí;

đ) Không thực hiện việc bảo trì tài sản của trạm thu phí; tự ý tháo dỡ, thanh lý, nhượng bán tài sản của trạm thu phí; không thực hiện việc hiệu chuẩn, kiểm định đối với nhóm thiết bị cần phải thực hiện công tác hiệu chuẩn, kiểm định theo quy định;

e) Sử dụng công nghệ hoặc các phương thức khác để truyền dữ liệu lên **Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu thanh toán điện tử giao thông đường bộ** không đúng thực tế hoặc can thiệp vào **phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu thanh toán điện tử giao thông đường bộ** dẫn đến sai khác lưu lượng, doanh thu tại trạm thu phí.

8. Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho đơn vị quản lý thu phí trong trường hợp tạm dừng thu, dừng thu, trừ thời gian thu do lỗi của đơn vị vận hành thu phí **hoặc các trường hợp khác theo quy định tại hợp đồng.**

Điều 20. Trách nhiệm của Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ

1. Thực hiện trách nhiệm của Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ được quy định tại Điều 32, Điều 33 **Nghị định số xx/2024/NĐ-CP**, trừ trường hợp có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền.

2. Sao lưu dữ liệu thu theo quy định tại khoản 5 Điều 8 để phục vụ công tác giám sát, hậu kiểm.

3. Đảm bảo chỉ số KPI hệ thống thu phí điện tử không được phải đạt yêu cầu tối thiểu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Đảm bảo các chỉ tiêu KPI kết nối liên thông giữa 2 Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ và hệ thống FrontEnd tại trạm thu phí đường bộ như sau:

a) Thời gian gián đoạn dịch vụ (tháng): Thời gian tính từ khi hệ thống phát sinh sự cố (sự cố hàng loạt) đến khi hệ thống được khôi phục, chỉ tiêu ≤ 120 phút (chu kỳ đánh giá theo tháng).

b) Thời gian unhold (giải phóng tiền đang giữ của khách hàng) của giao dịch giữ tiền: Sau 48h tính từ thời điểm hold tiền khi xe qua trạm, nếu không nhận

được lệnh commit để trừ tiền thì hệ thống tự động unhold số tiền đã giữ, chỉ tiêu = 48 giờ (chỉ tiêu đánh giá theo ngày)

c) Giao dịch xử lý thành công:

- Tỷ lệ giao dịch xử lý thành công: Tỷ lệ giao dịch xử lý thành công (không bao gồm các giao dịch thực hiện trong thời gian hệ thống có sự cố hàng loạt), chỉ tiêu $\geq 99.90\%$ (chỉ tiêu đánh giá theo ngày).

d) Độ chính xác xử lý giao dịch:

- Tỷ lệ giao dịch được xử lý chính xác: Tỷ lệ giao dịch được xử lý chính xác là 100% (chỉ tiêu đánh giá theo ngày).

đ) Tần suất lỗi sau triển khai: Số lỗi phát sinh trên hệ thống, chỉ tiêu ≤ 1 lỗi (chỉ tiêu đánh giá theo tháng).

e) Thời gian xử lý sự cố:

- Thời gian ứng cứu sự cố: Thời gian tính từ khi hệ thống phát sinh sự cố đến khi hệ thống được khôi phục (bằng các phương án ngắn hạn hoặc dài hạn), chỉ tiêu ≤ 120 phút (chỉ tiêu đánh giá theo tháng).

- Thời gian khắc phục sự cố: Thời gian tính từ khi hệ thống phát sinh sự cố đến khi hệ thống được khắc phục triệt để sự cố (bằng phương án dài hạn), chỉ tiêu ≤ 15 ngày (chỉ tiêu đánh giá theo tháng).

- Thời gian xử lý sự cố đơn lẻ: Thời gian tính từ khi nhận được thông tin khiếu nại của khách hàng Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ A chuyển sang Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ B và ngược lại, chỉ tiêu $\leq 48h$ (chỉ tiêu đánh giá theo tháng).

g) Quy định về lưu trữ, đồng bộ CSDL:

- Thời gian lưu trữ dữ liệu xe qua trạm: Dữ liệu được lưu online trong vòng 6 tháng để có thể đối soát online. Hai bên có API giao tiếp để kiểm tra lịch sử giao dịch quan trạm phục vụ mục đích đối soát, hậu kiểm, chỉ tiêu ≥ 6 tháng (chỉ tiêu đánh giá theo năm).

5. Chấp hành quyết định tạm dừng thu, dừng thu của cơ quan có thẩm quyền hoặc của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu tiền sử dụng đường bộ.

7. Không để xảy ra các hành vi sau:

a) Gian lận tiền thu phí đường bộ hoặc thông đồng gian lận trong hoạt động thu phí đường bộ;

b) Can thiệp vào hệ thống công nghệ thu, hệ thống giám sát, quản lý thu, hệ thống thiết bị kiểm tra tải trọng phương tiện và tiêu cực trong lĩnh vực giám sát

tải trọng phương tiện; báo cáo sai doanh thu nhằm gian lận doanh thu sử dụng đường bộ;

c) Sử dụng sai mục đích tiền trong tài khoản thu phí đường bộ.

8. Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho đơn vị quản lý thu phí trong trường hợp tạm dừng thu, dừng thu, trừ thời gian thu do lỗi của Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ hoặc các trường hợp khác theo quy định tại hợp đồng.

Điều 21. Trách nhiệm của cơ quan quản lý Nhà nước

1. Cục Đường bộ Việt Nam là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về trạm thu phí đường bộ và hoạt động thu tiền sử dụng đường bộ trên hệ thống quốc lộ, đường cao tốc thuộc hệ thống đường Trung ương quản lý. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra việc hoạt động của hệ thống thanh toán điện tử giao thông đường bộ và trạm thu phí đường bộ trên hệ thống đường bộ theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

2. Cơ quan có thẩm quyền của địa phương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về trạm thu phí đường bộ và hoạt động thu tiền sử dụng đường bộ trên hệ thống đường địa phương; trên quốc lộ, đường cao tốc mà cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra việc hoạt động của hệ thống thanh toán điện tử giao thông đường bộ và trạm thu phí trên hệ thống đường bộ theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

Điều 22. Chế độ báo cáo

1. Đơn vị quản lý thu, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ có trách nhiệm thực hiện Báo cáo định kỳ gửi về cơ quan có thẩm quyền hoặc đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu, quy định như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo định kỳ về doanh thu tiền sử dụng đường bộ, lưu lượng phương tiện tham gia giao thông qua trạm thu phí đường bộ và Báo cáo định kỳ việc quản lý, sử dụng tài sản.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Doanh thu tiền sử dụng đường bộ, lưu lượng phương tiện tham gia giao thông qua trạm thu phí đường bộ; tình hình quản lý, sử dụng tài sản.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Đơn vị quản lý thu, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cơ quan có thẩm quyền hoặc đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

e) Thời hạn gửi báo cáo:

- Báo cáo doanh thu tiền sử dụng đường bộ và lưu lượng phương tiện tham gia giao thông qua trạm thu phí: Báo cáo hàng tháng trước ngày 10 của tháng tiếp theo; báo cáo năm trước ngày 28 tháng 02 của năm tiếp theo.

- Báo cáo việc quản lý, sử dụng tài sản: báo cáo năm trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo.

g) Tần suất thực hiện báo cáo:

- Báo cáo doanh thu dịch vụ sử dụng đường bộ và lưu lượng phương tiện tham gia giao thông qua trạm thu phí: Báo cáo định kỳ hàng tháng và hàng năm.

- Báo cáo việc quản lý, sử dụng tài sản: Báo cáo định kỳ hàng năm.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo:

- Báo cáo hàng tháng: Từ ngày 01 đến hết tháng báo cáo;

- Báo cáo năm: Từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

i) Mẫu biểu số liệu báo cáo:

- Báo cáo doanh thu tiền sử dụng đường bộ và lưu lượng phương tiện tham gia giao thông qua trạm thu phí đường bộ: Theo Mẫu số 1 đến Mẫu số 7 của Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo việc quản lý, sử dụng tài sản: Theo Mẫu số 8 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Ngoài các báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1 điều này, Đơn vị quản lý thu, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ có trách nhiệm báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu.

3. Đơn vị quản lý thu, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo. Riêng báo cáo cả năm về doanh thu dịch vụ sử dụng đường bộ phải có kiểm toán độc lập kiểm toán hoặc xác nhận của cơ quan thuế.

Chương V

TẠM DỪNG THU, DỪNG THU, TRỪ THỜI GIAN THU

Điều 23. Tạm dừng thu

1. Tạm dừng thu khi Doanh nghiệp dự án PPP, Đơn vị quản lý thu vi phạm chất lượng bảo trì công trình đường bộ đã được cơ quan có thẩm quyền có văn bản nhắc nhở 02 lần kèm theo thời hạn khắc phục. Chi tiết cụ thể về các hành vi

vi phạm chất lượng bảo trì công trình được quy định trong Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian tạm dừng thu được tính từ thời điểm yêu cầu ghi trong văn bản tạm dừng cho đến khi Doanh nghiệp dự án PPP, Đơn vị quản lý thu phí khắc phục xong, nhưng không ít hơn 01 ngày.

2. Tạm dừng thu khi Doanh nghiệp dự án PPP, Đơn vị quản lý thu, Đơn vị vận hành thu, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ để xảy ra các tình huống có nguy cơ mất an toàn giao thông, ùn tắc giao thông kéo dài trên tuyến đường, đã được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu khắc phục 02 lần bằng văn bản kèm theo thời hạn khắc phục nhưng không khắc phục hoặc chậm khắc phục. Thời gian tạm dừng thu được tính từ thời điểm yêu cầu ghi trong văn bản tạm dừng cho đến khi Doanh nghiệp dự án PPP, Đơn vị quản lý thu, Đơn vị vận hành thu, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ khắc phục xong, nhưng không ít hơn 01 ngày.

3. Tạm dừng thu khi Đơn vị vận hành thu có các hành vi vi phạm **điểm a, điểm b khoản 7 Điều 19** Thông tư này, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ có các hành vi vi phạm **điểm a, điểm b khoản 7 Điều 20** Thông tư này. Thời gian tạm dừng thu được tính từ thời điểm yêu cầu ghi trong văn bản tạm dừng cho đến khi Đơn vị vận hành thu phí, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ khắc phục xong hậu quả của lỗi vi phạm và được cơ quan có thẩm quyền có văn bản cho phép thu phí trở lại.

4. Tạm dừng thu khi Đơn vị vận hành thu phí có hành vi vi phạm **khoản 4 Điều 19** Thông tư này, đã được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu thực hiện ít nhất 02 lần bằng văn bản kèm theo thời hạn khắc phục. Thời gian tạm dừng thu được tính từ thời điểm yêu cầu ghi trong văn bản tạm dừng cho đến khi đơn vị vận hành thu phí hoàn thành các nội dung quy định tại **khoản 4 Điều 19** Thông tư này.

5. Tạm dừng thu khi hệ thống công nghệ, thiết bị phục vụ trực tiếp cho việc thu phí đường bộ bị trục trặc, hư hỏng không được khắc phục kịp thời theo quy định tại **khoản 2 Điều 34 Nghị định số xx/2024/NĐ-CP**, thời gian tạm dừng thu được tính từ thời điểm yêu cầu ghi trong văn bản tạm dừng cho đến khi Đơn vị vận hành thu phí khắc phục xong sự cố và được cơ quan có thẩm quyền có văn bản cho phép thu phí trở lại.

6. Tạm dừng thu khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp có dịch bệnh, thiên tai, chiến tranh hoặc phục vụ an ninh, quốc phòng hoặc thực hiện theo chủ trương, chính sách của Nhà nước.

7. Tạm dừng thu trong trường hợp Đơn vị quản lý thu phí, Đơn vị vận hành thu phí hoặc Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ cố tình trì hoãn, không tuân thủ các quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

8. Các trường hợp **tạm** dừng thu không do lỗi của Đơn vị quản lý thu, Đơn vị vận hành thu phí, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ được xử lý theo quy định của pháp luật hoặc hợp đồng dịch vụ thu phí.

Điều 24. Dừng thu

1. Trường hợp dự án hết thời gian thu hoàn vốn theo hợp đồng, Đơn vị quản lý thu phí phải chủ động dừng thu phí hoặc chấp hành quyết định dừng thu phí của cơ quan có thẩm quyền (hoặc của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu phí đường bộ). Việc xác định thời gian dừng thu được xác định theo hợp đồng thu phí của Cơ quan có thẩm quyền với Đơn vị quản lý thu phí hoặc hợp đồng với Doanh nghiệp dự án PPP.

2. Dừng thu phí trong các trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 16 tháng 6 năm 2020.

Điều 25. Trừ thời gian thu

1. Trừ thời gian thu khi Đơn vị vận hành thu, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ không thực hiện việc sao lưu dữ liệu thu hoặc sao lưu dữ liệu không đầy đủ theo quy định tại **Điều 8** của Thông tư này, trừ trường hợp có lý do chính đáng được cấp có thẩm quyền chấp thuận. Thời gian thu bị trừ là 02 ngày trong trường hợp không sao lưu dữ liệu từ 10 đến 15 ngày; thời gian thu bị trừ là 04 ngày trong trường hợp không sao lưu dữ liệu từ 16 ngày đến hết 30 ngày; đối với trường hợp không sao lưu dữ liệu từ ngày 31 trở đi, cứ 05 ngày không sao lưu dữ liệu thì thời gian thu bị trừ 02 ngày.

2. Trừ thời gian thu khi Đơn vị quản lý thu, Đơn vị vận hành thu, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ không thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 25 Thông tư này hoặc không nộp phí sử dụng tài sản nhà nước, không nộp tiền thuê quyền khai thác tài sản hạ tầng đường bộ theo quy định hiện hành khi cơ quan có thẩm quyền có văn bản nhắc nhở 02 lần, mỗi lần cách nhau không dưới 05 ngày. Thời gian thu bị trừ là 01 ngày trong trường hợp chậm nộp báo cáo từ 10 ngày đến 30 ngày; thời gian thu bị trừ 02 ngày trong trường hợp chậm nộp báo cáo từ 31 ngày đến 60 ngày; đối với trường hợp chậm nộp báo cáo từ 61 ngày trở đi, cứ 05 ngày chậm nộp báo cáo thì thời gian thu bị trừ 01 ngày.

Điều 26. Tổ chức tạm dừng thu, dừng thu, trừ thời gian thu

1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định tạm dừng thu, dừng thu hoặc trừ thời gian thu:

a) Cục Đường bộ Việt Nam quyết định việc tạm dừng thu, dừng thu hoặc trừ thời gian thu đối với các trạm thu phí đường bộ trên hệ thống quốc lộ, đường cao tốc thuộc mạng lưới đường bộ do Trung ương quản lý.

b) Đối với các trạm thu phí đường bộ trên hệ thống đường địa phương và các trạm thu phí trên quốc lộ, đường cao tốc mà cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan có thẩm quyền của địa phương quyết định việc tạm dừng thu, dừng thu hoặc trừ thời gian thu theo thẩm quyền.

2. Thời gian do việc tạm dừng thu trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 23 Thông tư này không được tính để kéo dài thời gian thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hợp đồng đã ký giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư.

3. Doanh thu mỗi ngày tạm dừng thu được tính bằng doanh thu bình quân một ngày của tháng sau liền kề sau khi tạm dừng thu. Đối với trường hợp đơn vị vận hành thu phí có hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 8 Điều 19 Thông tư này, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ có hành vi vi phạm điểm a, điểm b khoản 7 Điều 20 Thông tư này ngoài việc bị tạm dừng thu theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Thông tư này, doanh thu mỗi ngày tạm dừng thu được xác định bằng 03 lần ngày có doanh thu cao nhất của tháng sau liền kề.

Doanh thu bình quân một ngày trong tháng là doanh thu bình quân một ngày của tổng doanh thu vé lượt, vé tháng, vé quý được ghi nhận trong tháng.

4. Trong thời gian tạm dừng thu, Đơn vị quản lý thu, Đơn vị vận hành thu, Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ có trách nhiệm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, không được phép gây cản trở, ùn tắc giao thông và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương, cũng như công khai tại trạm thu phí.

5. Các trường hợp trừ thời gian thu được tính trừ vào cuối thời điểm hoàn vốn của dự án khi quyết toán hợp đồng dự án.

6. Đối với dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước. Cơ quan có thẩm quyền hoặc Cơ quan Nhà nước chủ quản của Đơn vị quản lý thu phí quy định và áp dụng các hình thức xử lý trách nhiệm hành chính theo quy định của Luật Cán bộ, Công chức đối với cá nhân, đơn vị quản lý thu phí để xảy ra các hành vi vi phạm tại Điều 18, Điều 19 Thông tư này.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các hợp đồng dự án đang đàm phán, chưa ký kết, cơ quan thẩm quyền căn cứ vào quy định của Thông tư này để rà soát điều chỉnh, cập nhật các điều khoản liên quan trong hợp đồng dự án.

2. Đối với các trạm thu phí đã được xác định vị trí và ký kết hợp đồng, phụ lục hợp đồng theo hình thức đối tác công tư đã ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng đã ký. Đối với chi phí vận hành thu phí từ thời điểm chuyển sang thu phí điện tử không dừng thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này, các quy định khác có liên quan và Hợp đồng đã ký.

3. Hệ thống quản lý, giám sát thu tiếp tục vận hành đến ngày 01 tháng 7 năm 2026. Các quy định liên quan đến Hệ thống quản lý giám sát thu tại Thông tư số 45/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động của trạm thu phí đường bộ tiếp tục có hiệu lực đến ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và thay thế Thông tư số 45/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động của trạm thu phí đường bộ.

2. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng các quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Thứ trưởng;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- UBND các tỉnh, thành phố TW;
- Các Sở GTVT;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trang Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thắng

Phụ lục 1
DANH MỤC HỒ SƠ, MẪU BIỂU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ DOANH THU
TIỀN SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ VÀ LƯU LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số xx/2024/TT-BGTVT ngày xx/xx/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung	Báo cáo tháng	Báo cáo năm
1	Mẫu số 01-A: Chi tiết thu tiền sử dụng đường cao tốc	X	X
2	Mẫu số 01-B: Chi tiết thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ	X	X
3	Mẫu số 02-A: Tổng hợp lưu lượng xe thu tiền sử dụng đường cao tốc	X	X
4	Mẫu số 02-B: Tổng hợp lưu lượng xe	X	X
5	Mẫu số 03: Chi tiết các khoản thu khác từ dự án giai đoạn vận hành, khai thác		X
6	Mẫu số 04: Chi tiết các khoản chi vận hành, bảo trì dự án		X
7	Mẫu số 05: Chi tiết lãi suất tiền vay giai đoạn kinh doanh khai thác		X
8	Mẫu số 06: Các chỉ tiêu tài chính khác giai đoạn kinh doanh khai thác		X
9	Mẫu số 07: Thuyết minh báo cáo		X
10	Mẫu số 08: Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán		X

Mẫu số 01-A
CHI TIẾT THU TIỀN SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

Giai đoạn:.....

Dự án:.....

Trạm thu phí:.....

Đơn vị tính (đồng)

TT	Tên vé (chi tiết cho từng loại phương tiện)	Đơn giá	Số lượt xe	Thành tiền
A	1	2		
	Xe ...			
			
	Tổng cộng			

Ghi chú: Báo cáo theo từng loại xe, loại vé; cột thành tiền cộng theo từng toại vé và tổng cộng

Người lập biểu

**Người đại diện theo pháp luật của doanh
nghiệp**

Mẫu số 01-B
CHI TIẾT THU TIỀN SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

Giai đoạn:.....

Dự án:.....

Trạm thu phí:.....

Đơn vị tính (đồng)

TT	Tên vé (chi tiết cho từng loại phương tiện)	Đơn giá	Số vé sử dụng			Thành tiền		
			Tổng Số	Hình thức thu không dùng (ETC)	Hình thức thu một dùng (MTC)	Tổng số	Hình thức thu không dùng (ETC)	Hình thức thu một dùng (MTC)
A	1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	8=4x2	9=5x2
I	Vé lượt							
	Xe ...							
							
II	Vé tháng							
	Xe....							
	...							
III	Vé quý							
	Tổng cộng							

Ghi chú: Báo cáo theo từng loại xe, loại vé; cột thành tiền cộng theo từng toại vé và tổng cộng

Người lập biểu

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Mẫu số 02-A
BÁO CÁO LƯU LƯỢNG XE
Giai đoạn:.....

Tên trạm thu phí, lý trình:

Ngày	Hình thức thu	Lưu lượng xe theo Hợp đồng (xe/ngày đêm) (phân loại xe theo hợp đồng dự án)						Lưu lượng xe theo thực tế (xe/ngày đêm) (phân loại xe theo hợp đồng dự án)						Ghi chú
		Loại xe				Cộng	Loại xe...					Cộng	
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)							
....	ETC													
...	ETC													
...														
	Cộng													

Ghi chú: Báo cáo 6 tháng và báo cáo năm: Cột ngày chuyển thành tháng.

Người lập biểu

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Mẫu số 02-B
BÁO CÁO LƯU LƯỢNG XE
Giai đoạn:.....

Tên trạm thu phí, lý trình:

Ngày	Hình thức thu	Lưu lượng xe theo Hợp đồng (xe/ngày đêm) (phân loại xe theo hợp đồng dự án)						Lưu lượng xe theo thực tế (xe/ngày đêm) (phân loại xe theo hợp đồng dự án)						Ghi chú
		Loại xe				Cộng	Loại xe...					Cộng	
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)							
1	ETC													
	MTC													
2	ETC													
	MTC													
...														
...														
Cộng	ETC													
	MTC													
	Cộng													

Ghi chú: Báo cáo 6 tháng và báo cáo năm: Cột ngày chuyển thành tháng.

Người lập biểu

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Mẫu số 03
CÁC KHOẢN THU KHÁC GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
Giai đoạn:

TT	Nội dung các khoản thu	Số tiền
1		
2		
	Cộng	

Người lập biểu

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Mẫu số 04
CHI TIẾT CÁC KHOẢN CHI GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
Giai đoạn:

TT	Nội dung các khoản chi	Số tiền theo hợp đồng dự án	Số thỏa thuận của cơ quan có thẩm quyền	Số thực hiện
1				
2				
	Cộng			

Người lập biểu

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Mẫu số 05
CHI TIẾT LÃI SUẤT TIỀN VAY GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
Giai đoạn:.....

Ngày tháng năm áp dụng mức lãi suất	Lãi suất vay theo hợp đồng dự án	Lãi suất so sánh theo quy định hợp đồng dự án	Lãi suất vay thực tế của nhà đầu tư	Lãi suất vay áp dụng

Người lập biểu

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Mẫu số 06
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH KHÁC GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
Giai đoạn:

TT	Chỉ tiêu	Quy định tại hợp đồng dự án	Thực tế	Mức áp dụng đề xuất
1	Tỷ lệ trượt giá			
2	Tỷ lệ chi tổ chức thu			
3	Tỷ lệ trích doanh thu cho thu không dùng			
4	Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu			
5	Tỷ lệ tăng trưởng lưu lượng			
...	...			

Người lập biểu

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Mẫu số 07
NHÀ ĐẦU TƯ:
ĐƠN VỊ THU:
THUYẾT MINH BÁO CÁO
Giai đoạn:.....

1. Tình hình giao thông (đánh giá tình giao thông trên toàn tuyến có xảy ra ùn tắc không? Có phải mở làn thu để giảm ùn tắc không, nếu có ghi cụ thể thời gian và nguyên nhân...);

2. Lưu lượng xe (lưu lượng xe tăng hay giảm, tăng giảm bao nhiêu %....);

3. Công tác quản lý, bảo trì dự án (nhà đầu tư có thực hiện công tác bảo trì dự án theo quy định về bảo trì đường bộ và hợp đồng dự án không; có xây dựng quy trình bảo trì và lập kế hoạch bảo trì trình cơ quan có thẩm quyền không? chi phí bảo trì cao hơn hay thấp hơn quy định tại hợp đồng, nguyên nhân tăng, giảm chi phí bảo trì...);

4. Tình hình thu (công tác tổ chức thu, có ý kiến kiến nghị của người dân về tình thu không, doanh thu tăng hay giảm, trong kỳ báo cáo có tăng giá vé không...);

5. Lãi suất tiền vay thực tế tăng hay giảm bao nhiêu % so với hợp đồng, việc theo dõi lãi suất vay của nhà đầu tư ...;

6. Theo điều kiện của hợp đồng dự án có phải điều chỉnh phương án tài chính không, nếu phải điều chỉnh ghi cụ thể theo quy định tại điều khoản nào, nội dung quy định về điều chỉnh phương án tài chính và kiến nghị của nhà đầu tư như thế nào;

7. Kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra (nếu có ghi rõ số ngày tháng năm của kết luận, biên bản thanh tra kiểm tra, nhà đầu tư đã thực hiện kiến nghị như thế nào);

8. Các nội dung khác.

Mẫu số 08
NHÀ ĐẦU TƯ:
ĐƠN VỊ THU:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHẬN BÀN
GIAO TỬ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(từ ngày .../.../... đến ngày .../.../....)

Dự án:.....

Trạm thu phí:

A. Danh mục tài sản bàn giao

Ngày nhận bàn giao:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Số lượng	Nguyên giá	Hao mòn trong năm	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3	4	5=2-4

B. Tình hình nộp phí sử dụng tài sản

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Phí sử dụng tài sản các năm trước đã nộp	
2	Phí sử dụng tài sản các năm trước chưa nộp chuyển sang	
3	Phí sử dụng tài sản phải nộp trong năm	
4	Phí sử dụng tài sản đã nộp trong năm	
5	Phí sử dụng tài sản còn phải nộp chuyển năm sau	

Người lập biểu

Giám đốc

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số xx/2024/TT-BGTVT ngày xx/xx/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Các hạng mục công việc vi phạm chất lượng bảo trì không được khắc phục kịp thời phải tạm dừng thu tiền sử dụng đường bộ

TT	Hạng mục công việc vi phạm chất lượng	Mức độ vi phạm chất lượng bảo trì phải tạm dừng thu tiền sử dụng đường bộ
A	Quốc lộ, đường tỉnh	
I	Đối với mặt đường nhựa	
1	Mặt đường bị nứt: - Nứt mai rùa; - Nứt lưới lớn; - Nứt đơn dọc và ngang; - Nứt phản ánh; - Nứt parabol.	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng (mức H theo TCVN 14182:2024) gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) có khối lượng hư hỏng thuộc một trong các trường hợp sau: - Tổng diện tích nứt mai rùa: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 300 m ² . - Tổng diện tích nứt lưới lớn: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 300 m ² . - 10 vết (mỗi vết $\geq 50\%$ bề rộng mặt đường) và tổng chiều dài nứt dọc ≥ 300 m. - 10 vết (mỗi vết $\geq 50\%$ bề rộng mặt đường) và tổng chiều dài phản ánh ≥ 300 m. - Tổng diện tích nứt parapol: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 300 m ² , không có ổ gà, trôi lún.
2	Mặt đường bị lún vết bánh xe	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng, lún vết bánh xe $\geq 2,5$ cm (mức H theo TCVN 14182:2024) gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) và có tổng chiều dài các vết, đoạn lún ≥ 500 m.
3	Mặt đường bị hư hỏng cục bộ: - Lún lõm cục bộ; - Lồi lõm; - Đầy trôi nhựa, dồn nhựa (dạng sóng trâu ≥ 5 cm);	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng (mức H theo TCVN 14182:2024) gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) có khối lượng hư hỏng thuộc một trong các trường hợp sau: - Tổng diện tích lún lõm cục bộ: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 300 m ² . - Tổng diện tích lồi lõm: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 200 m ² . - Tổng diện tích đầy trôi nhựa, dồn nhựa: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá

TT	Hạng mục công việc vi phạm chất lượng	Mức độ vi phạm chất lượng bảo trì phải tạm dừng thu tiền sử dụng đường bộ
		300 m ² .
	- Lượn sóng;	- Tổng diện tích lượn sóng: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 300 m ² .
	- Ổ gà (Sâu ≥ 5 cm).	- Tổng diện tích ổ gà: chiếm 0,05% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 50 m ² .
4	Mặt đường bị chảy nhựa	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng (mức H theo TCVN 14182:2024) gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) và có tổng diện tích chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 300 m ²
5	Mặt đường bị hư hỏng các dạng khác: - Vết cắt vá; - Bong bật và bong tróc; - Nứt vỡ mép mặt đường.	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng (mức H theo TCVN 14182:2024) gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) có khối lượng hư hỏng thuộc một trong các trường hợp sau: - 10 vết nhưng không có ổ gà, trôi lún. - Tổng diện tích bong bật và bong tróc: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 300 m ² . - Tổng chiều dài nứt vỡ mép ≥ 200 m ² hoặc ≥ 500 m.
II	Đối với mặt đường Bê tông xi măng (BTXM)	
1	Mặt đường bị hư hỏng cục bộ: rộp vỡ bề mặt; nứt vỡ góc tấm, nứt chia tấm, nứt om tấm; nứt rạn, bong mặt đường	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng (mức H theo TCVN 14182:2024) gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) và có tổng số tấm hư hỏng ≥ 30 tấm hoặc ≥ 10% tổng diện tích phần đường BTXM.
2	Chênh cao độ giữa các tấm do lún (nền yếu, do xói lở vật liệu, hay do uốn vòng tấm); chênh cao giữa tấm bê tông mặt đường và lề đường	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng (mức H theo TCVN 14182:2024) gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) và chiều dài chênh cao ≥ 100 m.
3	Hư hỏng khe nối, bong vỡ vật liệu khe nối; vết nứt thẳng, vết nứt vỡ	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng (mức H theo TCVN 14182:2024) gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) và tổng chiều dài khe hư hỏng ≥ 100 m.
III	Đối với các công trình phụ trợ khác	

TT	Hạng mục công việc vi phạm chất lượng	Mức độ vi phạm chất lượng bảo trì phải tạm dừng thu tiền sử dụng đường bộ
1	Sơn kẻ trên mặt đường	Các chỉ tiêu kỹ thuật của vạch sơn theo Bảng 9 với các giá trị nhỏ hơn 70% giá trị các chỉ tiêu quy định ở Bảng 3 và Bảng 4 TCVN 8791:2011.
2	Đôi với cầu	Cầu hư hỏng, xuống cấp xuất hiện nguy cơ sự cố công trình dẫn đến mất an toàn, nguy cơ sập đổ.
3	Hệ thống thoát nước mặt đường, cống, rãnh	Đề đọng nước lớn hơn 1/3 chiều rộng mặt đường trên mặt đường, tắc rãnh thoát nước quá 24 giờ mà không thực hiện các biện pháp thoát nước.
4	Công tác phát quang cây cối, cắt cỏ	Cây cối che khuất tầm nhìn ảnh hưởng đến an toàn giao thông, cỏ mọc cao quá quy định tại TCVN 14182:2024 với tổng chiều dài vi phạm: chiếm 3% tổng chiều dài và tối đa không quá 300 m.
5	Hệ thống biển báo, cọc tiêu, hộ lan	$\geq 10\%$ tổng số biển báo hoặc 5% biển cấm bị mờ không đảm bảo QCVN 41:2019, không đảm bảo tầm quan sát biển báo; màng phản quang chưa đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 7887:2018; $\geq 20\%$ cọc tiêu, hộ lan bị hư hỏng mất tác dụng hoặc trên 20% sơn kẻ trên đường mờ không còn tác dụng.
6	Lề đường	Chênh cao với mặt đường ≥ 50 mm với chiều dài ≥ 500 m hoặc chênh cao với mặt đường ≥ 100 mm với chiều dài ≥ 300 m.
B	Đường cao tốc	
1	Mặt đường bị hằn lún vết bánh xe	a) Tuyến đường có từ 5% chiều dài tuyến đường trở lên có vết hằn lún, trong đó vị trí lún sâu $\geq 2,5$ cm có chiều dài ≥ 150 md. b) Tuyến đường có tổng chiều dài các vết lún sâu hơn $\geq 2,5$ cm lớn hơn 500 m. c) Tuyến đường có tổng chiều dài các vết lún sâu hơn ≥ 5 cm trên 100 m.
2	Mặt đường bị hư hỏng cục bộ: ổ gà, sinh lún gây mất an toàn	Để xảy ra hư hỏng chiếm 0,01 % tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 30 m ² mà không khắc phục trong 24 giờ (trừ khi mưa bão) theo yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng và thời gian thực hiện tại TCCS 17:2016/TCĐBVN (hoặc TCVN tương đương) và quy định liên quan khác.
3	Sơn kẻ trên mặt đường	a) Các chỉ tiêu kỹ thuật của vạch sơn theo Bảng 9 với các giá trị nhỏ hơn 70% giá trị các chỉ tiêu quy

TT	Hạng mục công việc vi phạm chất lượng	Mức độ vi phạm chất lượng bảo trì phải tạm dừng thu tiền sử dụng đường bộ
		<p>định ở Bảng 3 và Bảng 4 TCVN 8791:2011.</p> <p>b) Hoặc vi phạm Mục III Phần A.</p>
4	Đối với cầu	Cầu hư hỏng, xuống cấp xuất hiện nguy cơ sự cố công trình dẫn đến mất an toàn.
5	Hệ thống thoát nước mặt đường, cống, rãnh	Đề động nước lớn hơn 1/3 chiều rộng mặt đường trên mặt đường, tắc cống, rãnh thoát nước quá 24 giờ.
6	Công tác phát quang cây cối, cắt cỏ	Cây che khuất tầm nhìn ảnh hưởng đến an toàn giao thông, cỏ mọc cao quá quy định tại TCCS 17:2016/TCĐBVN (hoặc TCVN tương đương) có chiều dài 150 m.
7	Hệ thống biển báo, cọc tiêu, hộ lan, đỉnh phản quang	<p>≥ 3% biển báo không đảm bảo QCVN 41:2024 không đảm bảo tầm quan sát biển báo; màng phản quang chưa đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 7887:2018;</p> <p>≥ 3% cọc tiêu, hộ lan, đỉnh phản quang bị hư hỏng mất tác dụng.</p>
8	Lề đường	Lề đường không đảm bảo kích thước hình học (sạt, xói lở $\geq 1/2$ chiều rộng lề đường, sinh lún, nhô cao hơn mép mặt đường $h \geq 10$ cm)
9	Các trường hợp khác	Vi phạm bằng hoặc lớn hơn mức quy định tại Mục A Phụ lục này.